

## Thực trạng và giải pháp phát triển hoạt động khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình

Vũ Thị Thu Hương, Phan Văn Khải  
Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc

### The current status and solutions for the development of honey in the mangrove of Thai Binh province

Vu Thi Thu Huong, Phan Van Khai  
North East College of Agriculture and Forestry

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.13.2.2024.155-164>

#### TÓM TẮT

##### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 11/12/2023

Ngày phản biện: 21/02/2024

Ngày quyết định đăng: 27/03/2024

##### Từ khóa:

hoạt động kinh doanh, khai thác,  
mật ong rừng Thái Bình, rừng  
ngập mặn.

##### Keywords:

Exploiting, mangrove forest,  
Thai Binh mangrove honey,  
trading activities.

Bằng việc sử dụng phương pháp phỏng vấn và khảo sát thực địa, nghiên cứu đánh giá thực trạng hoạt động khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt là nghề truyền thống đã có từ lâu đời tại các xã ven biển thuộc địa bàn huyện Thái Thụy và huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Loài ong mật được nhân nuôi tại khu vực này chủ yếu là ong ngoại (chiếm 90%). Số đàn ong vào mùa khai thác gần 6000 đàn; trung bình là 220 đàn/hộ, trong đó hộ có số đàn cao nhất là 700 đàn, hộ có số đàn thấp nhất là 50 đàn, sản lượng khai thác duy trì ở mức 40 - 60 tấn/vụ/năm. Có tới 97% lượng mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình được thu mua và phân phối chủ yếu ở thị trường nội địa. Bài báo cũng phản ánh những khó khăn bất cập, ảnh hưởng đến sự phát triển của hoạt động khai thác và kinh doanh sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt tại địa phương. Trên cơ sở đó tác giả đề xuất một số giải pháp mang tính định hướng nhằm duy trì và phát triển hoạt động khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình theo hướng bền vững trong bối cảnh hiện nay.

#### ABSTRACT

By applying the interview and field survey methods, the study aims to assess the current status of honey development in Thai Binh mangrove in terms of exploiting and trading. The results show that, the exploiting and trading mangrove honey are a long-standing traditional profession in coastal communes in Thai Thụy and Tien Hai district of Thai Binh province. The honey-bee species propagated by local people in this area is the exotic species (accounted for 90%). The number of bee colonies in harvested season is nearly 6,000, the average number is 220 colonies per household, of which the household with the highest number is 700 and the lowest is 50. The total yield of honey was maintained at from 40 to 60 tons/crop per year. Up to 97% of Thai Binh mangrove honey is purchased and distributed mainly in the domestic market. This article also reflects the difficulties and inadequacies affecting the industry's development in the area. Based on the article's findings, some directional solutions and recommendations are proposed to maintain and develop trading activities of mangrove honey in Thai Binh province in the sustainable manner and in the current context.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thái Bình có diện tích rừng ngập mặn lớn, là nơi có tiềm năng, thế mạnh để khai thác mật ong rừng Sú Vẹt của tỉnh Thái Bình. Mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình có vị chua thanh, là loại mật ong tự nhiên, hoàn toàn không nhiễm thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật do mật ong lấy từ hoa của các loại loài cây trong rừng ngập mặn và hoàn toàn tự nhiên. Quá trình phát triển của cây không nhờ vào các loại thuốc có hại cho sức khỏe nên mật hoa vô cùng chất lượng. Mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình khi sử dụng kết hợp với các dược liệu khác như: chanh đào, nghệ tươi, tỏi, gừng... có tác dụng hữu hiệu trong việc chữa các bệnh liên quan tới đường hô hấp, dạ dày, đại tràng và có tác dụng trong việc làm đẹp (tẩy tế bào chết, làm lành vết thương...).

Trong những năm qua, tại Thái Bình đã có những chính sách và hướng đi đúng trong hoạt động khai thác và kinh doanh mật ong nói chung và mật ong rừng Sú Vẹt nói riêng đem lại nguồn thu nhập cao cho người dân địa phương [1]. Hoạt động khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình mang lại hiệu quả kinh tế, đồng thời tạo công ăn việc làm cho người nuôi ong và người dân địa phương.

Tuy nhiên, hoạt động khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình tại địa phương còn nhỏ lẻ, tự phát và chưa chịu sự quản lý của bất kỳ cơ quan, tổ chức nào. Sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình chưa tuân thủ theo quy trình khai thác, sơ chế và bảo quản cụ thể do đó khó khăn trong việc kiểm soát chất lượng và an toàn sản phẩm; hệ thống nhãn mác, bao bì sản phẩm chưa được quan tâm xây dựng để khẳng định giá trị và phát triển nhãn hiệu. Việc triển khai hoạt động quảng bá, tiếp thị còn chưa được chú trọng nên sản phẩm mật ong Sú Vẹt thu hoạch tại đây cũng mới chỉ được biết đến trong phạm vi địa phương và những khách hàng quen thuộc.

Vì vậy nghiên cứu thực trạng hoạt động khai thác và kinh doanh sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình cho thấy cái nhìn toàn diện, cập nhật hơn về nghề nuôi ong mật rừng Sú Vẹt tại

Thái Bình hiện nay và từ đó đưa ra các giải pháp nhằm tạo đà tiếp tục phát triển nghề này một cách sâu rộng, có hiệu quả, bền vững trong tương lai, duy trì uy tín và thương hiệu cho sản phẩm địa phương [3].

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp điều tra thực địa

Điều tra, thu thập thông tin, đánh giá thực trạng khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Tiến hành điều tra khu vực các xã thuộc huyện Thái Thụy và huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Thu thập các thông tin, dữ liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, các tài liệu về hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, các tài liệu bản đồ; các quy chế quản lý và khai thác tài nguyên tại khu vực, các tài liệu về quy hoạch, kế hoạch vùng khai thác mật ong Sú Vẹt và các kỹ thuật khai thác (giống ong, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản) và phương pháp vận chuyển, thị trường tiêu thụ sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.

### 2.2. Phương pháp phỏng vấn

Xây dựng mẫu phiếu điều tra khảo sát (dành cho các hộ nuôi ong, hộ kinh doanh, người tiêu thụ và cán bộ quản lý) để tìm hiểu các thông tin, dữ liệu về thực trạng khai thác và kinh doanh sản phẩm mật ong tại vùng khai thác mật ong Sú Vẹt Thái Bình, tình hình quản lý khai thác và tiêu thụ sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình; khảo sát về nhu cầu thị hiếu người tiêu dùng và khả năng phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.

Tiến hành điều tra khảo sát các hộ nuôi, khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt tại Thái Bình, cụ thể bao gồm các hộ khai thác; cơ sở, hộ kinh doanh; cán bộ quản lý tại địa phương; người tiêu dùng sản phẩm mật ong trong và ngoài tỉnh về thị trường tiêu thụ sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.

### 2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Tổng hợp các số liệu thu thập được để thống kê thực trạng sản xuất kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt được khai thác chủ yếu tại Thái Bình. Số liệu được tính toán, xử lý bằng phần mềm Excel.

Trên cơ sở kết quả khảo sát, điều tra thực địa, thu thập số liệu, phân tích thị trường tại khu vực nghiên cứu, đề xuất giải pháp quản lý và phát triển sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.

Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp quan sát, phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết để đưa ra những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình như xác định cách thức quảng bá phù hợp với xu hướng thời đại nhằm thu hút khách hàng và chiếm lĩnh thị phần trong nước; xây dựng lợi thế cạnh tranh sản phẩm khác biệt từng chủng loại sản phẩm để thu hút sự quan tâm của khách hàng và nâng cao khả năng cạnh tranh lâu dài.

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Thực trạng hoạt động khai thác và kinh doanh sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình

##### 3.1.1. Thực trạng hoạt động khai thác mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.

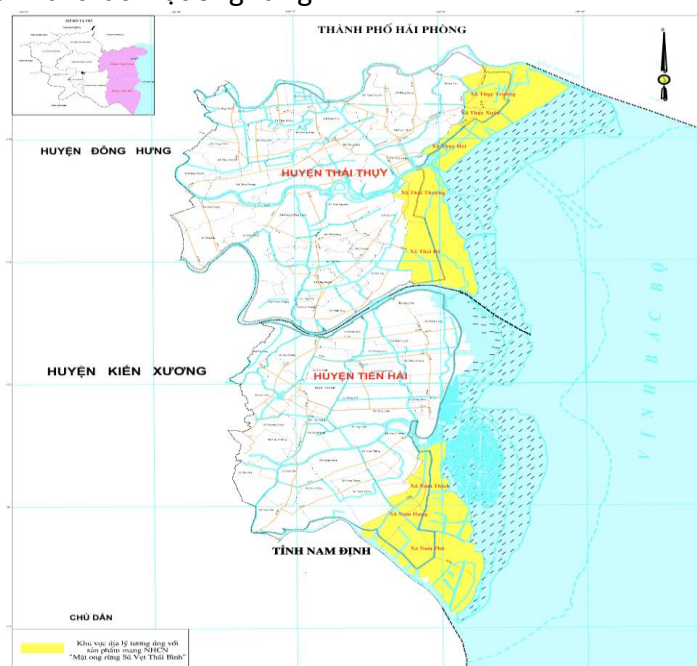
Nghề nuôi ong lấy mật trên địa bàn huyện Thái Thụy và huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xuất hiện từ thập niên 80 của thế kỷ XX. Giai đoạn từ 1980 đến 1995 bắt đầu có một số hộ gia đình tại địa phương và các hộ di chuyển đàn ong từ nơi khác đến để nuôi và khai thác mật ong rừng

Sú Vẹt. Số lượng đàn ong vào thời điểm này duy trì từ 1.000 - 2.000 đàn, sản lượng khai thác từ 10 - 20 tấn/vụ/năm.

Giai đoạn từ năm 1996 đến nay thì hoạt động khai thác mật ong rừng Sú Vẹt tại khu vực huyện Thái Thụy và huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã tăng lên và theo quy mô hộ gia đình và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhu cầu của người tiêu dùng đối với sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt tăng cao đã tạo động lực cho hoạt động nuôi ong tại khu vực phát triển với quy mô lớn.

Mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình được thu hoạch chủ yếu từ nguồn hoa của cây Sú, cây Vẹt, Trang, Bần chua... Trong đó, diện tích cây Sú, cây Vẹt chiếm tới 90% diện tích rừng ngập mặn tại khu vực huyện Thái Thụy và huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (khoảng 4.000 ha) [2].

Hoạt động khai thác mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình hàng năm diễn ra tại các xã ven biển thuộc huyện Thái Thụy và huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (Hình 1). Theo kết quả điều tra, vào mùa hoa Sú, hoa Vẹt các chủ thể nuôi ong di chuyển đàn ong của mình đến sát bờ rừng ngập mặn ven biển thuộc các xã Thụy Trường, xã Thụy Xuân, xã Thụy Hải, xã Thái Thượng, xã Thái Đô (huyện Thái Thụy) và xã Nam Thịnh, xã Nam Hưng, xã Nam Phú (huyện Tiền Hải), tỉnh Thái Bình để thuận tiện cho việc khai thác mật.



Hình 1. Khu vực khai thác Mật ong Sú Vẹt tại các xã ven biển thuộc huyện Thái Thụy, huyện Tiền Hải

Đây là khu vực có diện tích và số lượng cây Sú Vẹt chiếm số lượng lớn nhất tại khu vực bãi bồi khu rừng ngập nước Thái Bình. Đàn ong thường được đặt dọc theo hệ thống các bờ đê hoặc các trục đường cấp phối tại khu vực cách rừng ngập mặn từ 1-3 km hoặc có hộ đặt đàn ong nằm sát rừng với khoảng cách từ 300 - 600 m. Hệ thống giao thông ở đây khá thuận tiện cho việc đi lại chăm sóc, thu hoạch và vận chuyển mật ong.

Mùa vụ khai thác mật ong rừng Sú Vẹt Thái

Bình bắt đầu từ đầu tháng 4 đến đầu tháng 11 hàng năm. Sản lượng khai thác năng suất nhất là vào mùa vụ từ giữa tháng 5 đến cuối tháng 8. Hiện nay, diện tích cây nguồn mật này đang tăng cả về diện tích và chất lượng nên sẽ là tiềm năng to lớn để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.

Theo số liệu điều tra năm 2023, số hộ nuôi ong và số lượng đàn ong vào mùa khai thác mật ong Sú Vẹt tại khu vực được thể hiện tại Bảng 1.

**Bảng 1. Số hộ nuôi ong và số đàn ong khai thác mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình**

Số hộ nuôi ong và số đàn ong	Năm 2015	Năm 2022	Năm 2023
Số hộ nuôi ong	14	24	26
Số đàn ong	3.537	5.214	5.762

(Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, 2023)

Qua kết quả Bảng 1 cho thấy: Số hộ nuôi ong năm 2015 tại khu vực chỉ có 14 hộ thì đến năm 2022, con số này đã lên tới 26 hộ. Số đàn ong năm 2015 chỉ khoảng gần 3.537 đàn thì đến năm 2023 đã tăng lên 5.762 đàn; trung bình 1 hộ khoảng 220 đàn/hộ, trong đó hộ có số đàn cao nhất là 700 đàn, thấp nhất là 50 đàn.

Số lượng đàn ong và số lượng người nuôi ong tại khu vực thường xuyên có sự biến động. Có thời điểm số lượng đàn ong rất cao vào vụ khai thác chính (từ giữa tháng 5 đến cuối tháng 8) nhưng cũng có lúc số lượng đàn ong tại khu vực lại rất thấp, đặc biệt là khi gặp các điều kiện khó khăn do điều kiện thời tiết không thuận lợi như mưa nhiều hay nguồn hoa của cây mật ít.

Về chất lượng đàn ong, các hộ nuôi ong chủ yếu sử dụng giống ong ngoại để khai thác mật tại khu vực do giống ong ngoại có sức đẻ trứng trung bình của ong chúa cao hơn nhiều so với ong nội. Vì vậy thế đàn của giống ong ngoại thường gấp hơn 2 lần so với ong nội nên cho năng suất và chất lượng sản phẩm lớn hơn nhiều so với ong nội.

Về phương thức, quy mô và kỹ thuật nuôi ong: Theo kết quả điều tra, phỏng vấn các hộ nuôi ong tại khu vực cho thấy có tới 23 hộ là nuôi ong chuyên nghiệp, 01 hộ nuôi ong bán chuyên nghiệp và 02 hộ nuôi ong theo quy mô

hộ gia đình. Hộ nuôi ong theo quy mô hộ gia đình thường đặt ong tại nhà và hầu như không di chuyển đàn ong tới khu vực khác, quy mô từ 50 - 70 đàn/hộ. Hộ nuôi ong bán chuyên nghiệp thường căn cứ vào mùa vụ hoa tại khu vực để đầu tư số lượng đàn ong; tùy thuộc vào chất lượng nguồn nguyên liệu tại khu vực, giá cả thị trường để quyết định số lượng đàn ong cần đầu tư, sau mỗi vụ khai thác họ sẽ bán đàn ong cho các hộ khác và tiếp tục di chuyển tới các khu vực có nguồn hoa khác để tiếp tục đầu tư. Số lượng đàn ong đầu tư từ 100 - 200 đàn/đợt/vụ. Với hộ nuôi ong chuyên nghiệp thì mức đầu tư và số lượng đàn ong thường chiếm số lượng lớn, khoảng 300 - 500 đàn/hộ, thậm chí có năm cao nhất lên tới 700 đàn/hộ. Sau khi kết thúc vụ khai thác mật ong rừng Sú Vẹt tại khu vực rừng ngập mặn họ sẽ di chuyển theo nguồn hoa để khai thác mật hoặc để dưỡng ong ở những vùng có cây nguồn mật, phần thuận lợi.

Phần lớn các hộ nuôi ong khai thác mật tại khu vực đều có trình độ quản lý, chăm sóc đàn ong, khả năng tạo ong chúa và nhân đàn và khả năng phát hiện, điều trị bệnh/dịch hại. Một số hộ nuôi ong chuyên nghiệp còn có khả năng theo dõi, đánh giá mức độ, tỷ lệ cận huyết của đàn ong (Bảng 2).

**Bảng 2. Năng lực quản lý, trình độ kỹ thuật và khả năng đào tạo trong hoạt động nuôi ong**

Chỉ tiêu khảo sát, đánh giá	Trình độ kỹ thuật nuôi ong			Được tập huấn	Được đào tạo từ các hộ nuôi ong trước
	Quản lý, chăm sóc đàn ong	Tạo ong chúa và nhân đàn	Phát hiện và điều trị bệnh, dịch hại		
Số hộ nuôi	25	25	25	15	17
Tỷ lệ (%)	96	96	96	46	58

(Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, 2023)

**Về kỹ thuật thu hoạch mật ong:** Theo kết quả điều tra, các hộ nuôi ong khai thác mật ong tại khu vực thường căn cứ vào tỷ lệ vót nắp trên cầu ong để đánh giá mật có đủ điều kiện để khai thác. Theo đó, khi tỷ lệ vót nắp trên mỗi cầu ong đạt mức trung bình từ 40 - 50% thì mật có thể thu hoạch được. Nếu muốn mật ong thu hoạch có hàm lượng thủy phần thấp thì khi tỷ lệ vót nắp đạt từ 60 – 80% thu hoạch là tốt nhất. Mật ong thường được thu hoạch vào sáng sớm vì lúc này ong thợ bắt đầu đi kiếm mật nên ong không dính thành, mật ong thu hoạch không bị lẫn mật mới nên mật sẽ đặc hơn. Trong khoảng thời điểm giao mùa giữa mùa hoa Sú và mùa hoa Vẹt, lượng hoa ít không đủ cung cấp mật cho các đàn ong nên cần phải bổ sung thêm thức ăn cho ong. Việc bổ sung thức ăn sẽ giúp ong duy trì sức đề kháng, tránh bị suy giảm mạnh về số lượng.

**Về biện pháp phòng trừ dịch hại ong mật:**

Điều kiện thời tiết, khí hậu tại địa phương thuận lợi cho hoạt động khai thác mật ong rừng Sú Vẹt nên đàn ong tại khu vực thường khỏe mạnh, không bị dịch bệnh hại. Một số chủ hộ ong còn lựa chọn khu vực này để tiến hành gây ong chúa và nhân đàn ong. Để phòng trừ dịch hại ngoại ký sinh, các hộ nuôi ong tại khu vực thường dùng các loại hóa chất để điều trị như axit focmic, tinh dầu thực vật hoặc thuốc Manpu (thành phần chính là chất Flualilate). Với các đàn ong bị nhiễm chí lớn thì hộ nuôi ong thường phối hợp cả biện pháp kỹ thuật như thay chúa, nhốt chúa, loại bỏ cầu nhộng với biện pháp hóa học để điều trị [3].

**Về tình hình sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ:** Các sản phẩm và sản lượng được thu hoạch từ hoạt động khai thác mật ong rừng Sú Vẹt tại tỉnh Thái Bình năm 2022 - 2023 được thể hiện ở Bảng 3.

**Bảng 3. Sản lượng sản phẩm từ hoạt động khai thác mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình năm 2022 - 2023**

Năm thống kê	Sản lượng các sản phẩm khai thác (kg/vụ/năm)			
	Mật ong	Phấn hoa	Sữa ong chúa	Sáp ong
Năm 2022	60.000	3	0,5	2.600
Năm 2023	45.000			1.500

(Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, 2023)

Số liệu tại Bảng 3 cho thấy mật ong vẫn là sản phẩm khai thác chính. Năm 2022, sản lượng mật ong khai thác đạt 60 tấn/vụ thì năm 2023 sản lượng mật ong khai thác được đạt tới 45 tấn/vụ. Nguyên nhân của việc sụt giảm sản lượng mật ong năm 2023 là năm nhuận, điều kiện thời tiết thay đổi đã ảnh hưởng đến mùa ra hoa của cây Sú, Vẹt khiến cho lượng mật từ

nguồn cây Sú Vẹt giảm.

Sản lượng sáp ong được khai thác năm 2022 là khoảng 2,6 tấn/vụ. Đến năm 2023 sản lượng sáp ong giảm đi còn 1,5 tấn/vụ. Phần lớn lượng sáp ong khai thác sẽ được các chủ ong sử dụng để tạo cầu mới cho ong, số sáp ong còn lại được bán cho các đơn vị thu mua để làm nguyên liệu cho hóa mỹ phẩm, thực phẩm, công nghiệp...

So với các vùng nguyên liệu khác thì sản phẩm phấn hoa và sữa ong chúa khu vực hiện nay không được các hộ nuôi ong khai thác nhiều do cây nguồn phấn tại khu vực rất ít.

**Về sơ chế, đóng gói, bảo quản:** Mật ong sau khi khai thác ra người nuôi ong chủ yếu chỉ sơ chế bằng cách lọc mật để loại bỏ tạp chất như phấn hoa, ấu trùng và sáp ong ngay sau khi quay mật xong. Mật ong sau khi lọc sẽ được đóng trực tiếp vào can nhựa có thể tích 30 - 40 lít và bán trực tiếp cho người tiêu dùng, lái buôn hoặc các công ty chế biến thực phẩm. Mật ong thường được bảo quản nơi thoáng mát, tránh để nơi có ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm sáp ong sau thu hoạch được các hộ nuôi ong nấu và đóng thành khối từ 30 - 40 kg để thuận tiện cho việc vận chuyển.

**Về tiêu thụ sản phẩm mật ong:** Mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình cũng giống tình trạng của mật ong trong nước, chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa. Nguyên nhân là do giá thành mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình thường duy trì ở mức 80.000 - 150.000 đồng/kg, cao hơn giá thành mật ong xuất khẩu (chỉ từ 1,2 - 2 USD/kg) nên không được các công ty/doanh nghiệp xuất khẩu thu mua [4, 5].

Số liệu điều tra năm 2023 của nhóm nghiên cứu cho thấy có tới 97% lượng mật ong Sú Vẹt Thái Bình khai thác được các đại lý hoặc thương

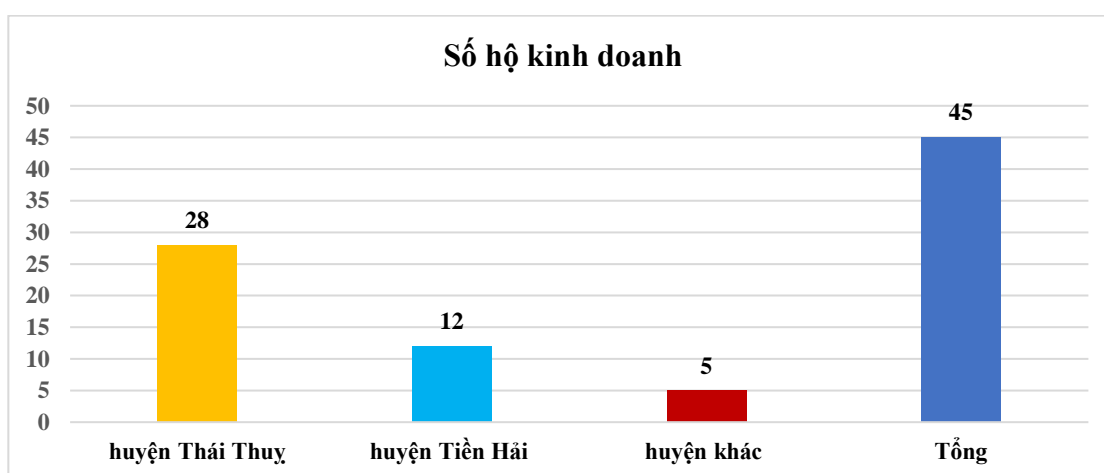
lái địa phương thu mua và phân phối ra thị trường nội địa. Chỉ có 2% sản phẩm mật ong khai thác tại khu vực được bán lẻ cho khách du lịch và 1% bán cho các doanh nghiệp chế biến hoặc xuất khẩu.

Thu nhập chính của các hộ nuôi ong tại khu vực vẫn là từ khai thác và bán sản phẩm mật ong. Theo số liệu thống kê tỉnh Thái Bình năm 2022, tổng giá trị sản phẩm thu được từ mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình ước tính đạt 5,6 tỷ đồng, năm 2023 giảm còn 3,6 tỷ đồng. Tổng giá trị sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình năm 2023 giảm so với năm 2022 là do năm 2023, thời tiết không thuận lợi nên lượng hoa Sú, Vẹt giảm nguồn mật.

Bên cạnh các giá trị sản phẩm mang lại thu nhập trực tiếp cho người nuôi ong thì hoạt động nuôi ong khai thác mật tại khu vực còn tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương. Lao động địa phương thường tham gia vào hoạt động thu hoạch mật (quay mật) hoặc khi di chuyển đàn ong.

### 3.1.2. Thực trạng hoạt động kinh doanh Mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình

Theo kết quả điều tra, phỏng vấn năm 2023 của nhóm nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Thái Bình, hộ kinh doanh chủ yếu tập trung tại huyện Thái Thụy và huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Số liệu điều tra được thể hiện tại Hình 2.



Hình 2. Số hộ kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình năm 2023

Qua Hình 2 cho thấy, trong tổng số 45 hộ kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình được phỏng vấn, số hộ kinh doanh ở huyện Thái Thụy

là 28 hộ (chiếm 62%), số hộ kinh doanh ở huyện Tiền Hải là 12 hộ (chiếm 27%) và các huyện khác thuộc tỉnh Thái Bình 5 hộ như ở thành phố Thái

Bình, huyện Vũ Thư. Ngoài ra còn có các hộ kinh doanh nhỏ lẻ tại các địa phương khác như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.

Thời điểm thu mua mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình tốt nhất là từ giữa tháng 6 đến cuối tháng 8. Đây là thời điểm hoa vẹt nở rộ nhất tại khu vực nên chất lượng mật ong sẽ đảm bảo, mật ngon hơn, đặc hơn, thơm hơn, để lâu không bị xuống màu và không bị thâm, đen.

Theo số liệu điều tra, sản lượng mật được thu mua trong năm 2023 là 25 tấn, chiếm khoảng 55% tổng lượng mật được khai thác tại khu vực. Trung bình mỗi hộ kinh doanh sẽ thu mua khoảng 600 kg/năm, trong đó hộ thu mua nhiều nhất là 2.500 kg/năm và hộ thu mua ít cũng vào khoảng 200 kg/năm.

Mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình mới được khai thác có hàm lượng nước lớn hơn 22% nên việc bảo quản rất khó khăn, mật dễ bị lên men, bị chua, giảm chất lượng và không đảm bảo cho tiêu dùng. Chính vì vậy, nên sử dụng mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình trong vòng 24 tháng sau khi thu hoạch là tốt nhất. Mật ong sau khi thu mua nên đựng trong các can nhựa hoặc các bồn inox để bảo quản nơi râm mát, tránh ánh nắng mặt trời.

Hình thức kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình tại khu vực còn tương đối đơn giản, quy mô nhỏ lẻ, chưa có sự đầu tư theo chuỗi cửa hàng, đại lý phân phối. Phần lớn các hộ kinh doanh chỉ treo biển để quảng cáo sản phẩm mà không có cửa hàng, đại lý kinh doanh. Một số cơ sở kinh doanh quy mô như Công ty TNHH Nông nghiệp Thái Việt, hộ kinh doanh ong mật nguyên chất Khải Hưng tận dụng các trang mạng xã hội như: facebook, zalo... để quảng cáo, bán mật ong online. Thị trường tiêu thụ vẫn còn nhiều hạn chế, sản phẩm mật ong thu hoạch được chưa có đầu ra bao tiêu ổn định một cách hệ thống. Mặt khác, sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình hiện nay chưa quan tâm nhiều tới hình thức để xây dựng thương hiệu như nhãn mác, bao bì, chất lượng sản phẩm. Việc triển khai quảng bá, tiếp thị còn chưa được chú trọng nên sản phẩm chỉ được

biết đến trong phạm vi địa phương và những khách hàng quen thuộc.

### **3.1.3. Nhu cầu của người tiêu dùng đối với sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình**

Tại các nước phát triển, người dân coi mật ong là một loại thực phẩm bổ dưỡng để sử dụng hằng ngày và để nêm nếm thức ăn thay cho đường. Trong khi đó người Việt coi mật ong như một loại thuốc và chỉ dùng khi thật cần. Trung bình trên thế giới, mức tiêu thụ mật ong là 700 gr/người/năm. Điển hình như tại Đức là 1,2 kg/người/năm, ở Tây Ban Nha là 1,0 kg/người/năm, tại Anh và Pháp là 0,6 kg/người/năm. Theo thống kê của Hội ong Việt Nam năm 2008 thì lượng mật tiêu thụ trong nước khoảng 3000 tấn (tương đương 35 gam/người/năm) [6, 7].

Tuy nhiên, do mật ong có nhiều công dụng như nấu ăn, dùng như một loại dược phẩm bổ sung và chữa bệnh khi kết hợp với chanh hoặc nghệ và là một liệu pháp từ tự nhiên trong việc làm đẹp, dưỡng da... nên hiện nay đã được đông đảo người tiêu dùng trong nước quan tâm, sử dụng.

Theo điều tra, nhu cầu sử dụng mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình của người tiêu dùng trong những năm gần đây đã tăng lên đáng kể do tác dụng của mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình đối với sức khỏe; giá thành mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình phù hợp với thu nhập và thị hiếu người tiêu dùng. Mật ong rừng Sú Vẹt hoàn toàn tự nhiên, không chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật hay chất bảo quản. Đây chính là một ưu thế nổi trội để sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình được người tiêu dùng lựa chọn.

### **3.2. Một số khó khăn, tồn tại của hoạt động khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình**

- Chính quyền địa phương khu vực có hoạt động khai thác và kinh doanh sản phẩm mới chỉ quản lý về mặt hành chính và an ninh trật tự. Chưa có đơn vị quản lý chuyên ngành để kiểm soát về số lượng đàn ong, sản lượng khai thác và quy trình khai thác mật ong của các hộ. Hoạt

động quản lý của địa phương mới dừng ở mức thống kê, định lượng nhằm phục vụ cho công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên tại khu vực. Quy trình nuôi và dưỡng ong, khai thác mật ong, phương pháp bảo quản và chế biến sau thu hoạch vẫn chưa được quản lý.

- Hoạt động khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình vẫn còn mang tính chất sản xuất manh mún nhỏ lẻ, hoạt động chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và sản xuất riêng lẻ, chưa chú trọng khâu liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, chưa tổ chức thực hiện thành các tổ, đội, tập đoàn để có thể hỗ trợ nhau trong khai thác và tiêu thụ sản phẩm cũng như khi gặp rủi ro về dịch bệnh và thời tiết. Do đó hiệu quả sản xuất chưa đạt hiệu quả cao. Nghề nuôi ong là nghề luôn phụ thuộc thời tiết, mùa vụ ra hoa, giá cả nguyên vật liệu nuôi, khai thác...

- Cơ sở hạ tầng phục vụ nghề nuôi ong tuy đã được đầu tư nâng cấp nhưng chưa đồng bộ cho các khâu từ hoạt động nuôi, khai thác và kinh doanh tiêu thụ sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình. Các cơ sở bảo quản, chế biến còn ít, chưa được quan tâm đầu tư áp dụng công nghệ kỹ thuật mới nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm sau khai thác nên ảnh hưởng đến hiệu quả nuôi, khai thác và kinh doanh nguồn lợi mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.

- Thiếu sự hỗ trợ kịp thời của Nhà nước trong việc cho vay vốn để đầu tư, khai thác sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình; thủ tục vay vốn đầu tư khai thác và kinh doanh gặp nhiều khó khăn về thủ tục hành chính.

- Hoạt động quảng bá và phát triển thương hiệu sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình còn chưa được chú trọng và đẩy mạnh thực hiện nên sản phẩm này cũng mới chỉ được biết đến trong phạm vi địa phương và những tập khách hàng quen thuộc.

### **3.3. Một số giải pháp định hướng nhằm duy trì và phát triển hoạt động khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình**

- Thứ nhất, tăng cường hoạt động quản lý của chính quyền địa phương đối với hoạt động

nuôi, khai thác và kinh doanh sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.

Thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác mật ong; kiểm soát nghề nuôi, khai thác và kinh doanh, dụng cụ cấm sử dụng khai thác mật ong thông qua việc tham mưu, đồng thời ban hành Quy chế quy định nghề khai thác mật ong, dụng cụ cấm sử dụng khai thác mật ong trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Rà soát hoạt động nuôi, khai thác mật ong rừng Sú Vẹt, phối hợp với UBND các xã, huyện trên địa bàn có hoạt động khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình, đơn vị quản lý chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm; tiến hành xây dựng đề án điều tra đánh giá trữ lượng nguồn lợi mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình. Đồng thời, huy động các nguồn lực xã hội đầu tư mạnh cho hoạt động nuôi, khai thác và kinh doanh sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt nhằm tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Thứ hai, liên kết chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm nhằm đẩy mạnh hoạt động nuôi, khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.

Trước hết, tổ chức lại hoạt động nuôi, khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình tại địa phương, rà soát lại số lượng hộ, chủ cơ sở nuôi, khai thác mật ong; khuyến khích và nhân rộng mô hình tổ đội đoàn kết khai thác mật ong tại địa phương, hướng đến phát triển theo các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã nghề nuôi, khai thác là hết sức cần thiết; hỗ trợ hộ, chủ cơ sở nuôi, khai thác và kinh doanh phát triển các hình thức liên kết ngang theo mô hình tổ, đội, hợp tác xã, liên hiệp hội với các doanh nghiệp thu mua, chế biến, xuất khẩu; nghiên cứu triển khai sớm hình thức tổ chức sản xuất theo liên kết chuỗi giá trị sản phẩm, từ khu vực khai thác đến thị trường tiêu thụ, chuyển mạnh cơ cấu từ chế biến thô sang các sản phẩm giá trị gia tăng và đa dạng hóa các sản phẩm chế biến phù hợp văn hóa, thị hiếu từng thị trường.

- Thứ ba, tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.



Cải tạo, nâng cấp các khu vực đặt đàn ong phù hợp với quy mô địa điểm đặt đàn ong, số lượng đàn ong, dịch vụ hậu cần nghề nuôi, khai thác mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình. Đầu tư đổi mới công nghệ vật dụng nuôi ong, khai thác mật ong và một số kỹ thuật nuôi, khai thác mật ong đúng yêu cầu, đáp ứng được các tiêu chí an toàn chất lượng sản phẩm, đồng thời để xác nhận nguồn gốc mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.

Nâng cấp mở rộng quy mô các cơ sở khai thác và kinh doanh sản phẩm, trang bị các thiết bị hiện đại và cơ giới hóa việc khai thác sản phẩm mật ong, đảm bảo các tính năng an toàn sản phẩm và phù hợp với hoạt động nuôi, khai thác và kinh doanh sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.

*- Thứ tư, đề xuất và thực hiện một số chính sách hỗ trợ chủ hộ, cơ sở khai thác mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.*

Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, khuyến khích nuôi, khai thác sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt; phổ biến, hỗ trợ kỹ thuật khai thác tiên tiến, kỹ thuật bảo quản, phương thức vận chuyển hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng mật ong sau khai thác.

Hỗ trợ vốn để mua dụng cụ, trang bị phục vụ khai thác; hỗ trợ kết nối thông tin giữa các chủ hộ, cơ sở khai thác mật ong, giữa chủ hộ, cơ sở khai thác mật ong và đơn vị chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Có chính sách chuyển đổi nghề và sinh kế cho các chủ hộ, cơ sở nghèo khai thác tại khu vực, cần định hướng đào tạo nghề cho chủ hộ, cơ sở để họ nhanh chóng làm chủ các thiết bị hiện đại.

*- Thứ năm, đẩy mạnh hoạt động quảng bá và phát triển thương mại sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.*

Đa dạng mẫu mã, bao bì sản phẩm giúp nâng cao giá trị sản phẩm, giúp nhận diện sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình trên thị trường. Triển khai thực hiện các công cụ quảng bá như tờ rơi, sổ tay, poster giúp quảng bá sản phẩm rộng rãi hơn trên thị trường là việc làm rất cần thiết nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm tại thị

trường tại địa phương và trên cả nước. Quảng bá sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nâng cao chất lượng sản phẩm để giới thiệu quảng bá trên các thị trường trong nước và thế giới.

#### 4. KẾT LUẬN

Tận dụng lợi thế về diện tích rừng ngập mặn, người dân Thái Bình đã khai thác tiềm năng, thế mạnh để phát triển nghề nuôi ong mật và đem lại nguồn thu nhập cao, góp phần bảo vệ môi trường hệ sinh thái tại địa phương [7]. Mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình được thu hoạch chủ yếu từ nguồn hoa của cây Sú, cây Vẹt, Trang, Bần chua... Trong đó, diện tích cây Sú, cây Vẹt chiếm tới 90% diện tích rừng ngập mặn tại khu vực huyện Thái Thụy và huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (khoảng 4.000 ha). Hiện nay, hoạt động khai thác mật ong dần trở nên chuyên nghiệp hơn, vào mùa khai thác số đàn ong tại khu vực lên đến gần 6000 đàn, số hộ khai thác mật ong có xu hướng tăng qua các năm; sản lượng khai thác duy trì mức khá cao. Sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình hoàn toàn tự nhiên, có nhiều lợi ích tốt cho sức khỏe con người, trong sản xuất thực phẩm và làm đẹp vì vậy nhu cầu sử dụng ngày càng tăng lên. Bên cạnh ưu thế, thuận lợi và cơ hội hiện hữu thì hoạt động khai thác và kinh doanh sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt tại địa phương còn có những hạn chế, khó khăn cần khắc phục. Để góp phần duy trì và phát triển hoạt động khai thác và kinh doanh mật ong rừng Sú Vẹt tỉnh Thái Bình theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong bối cảnh hiện nay, tác giả đã đưa ra được 5 nhóm giải pháp gồm: tăng cường hoạt động quản lý của chính quyền địa phương đối với hoạt động nuôi, khai thác và kinh doanh sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình; liên kết chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm nhằm đẩy mạnh hoạt động nuôi, khai thác và kinh doanh sản phẩm; đầu tư đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình; đề xuất một số chính sách hỗ trợ chủ hộ, cơ sở khai

thác mật ong; đẩy mạnh hoạt động quảng bá và phát triển thương mại sản phẩm mật ong rừng Sú Vẹt Thái Bình.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (2015). Quyết định số 3312/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2015 về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Truy cập từ <https://thai Binh.gov.vn/van-ban-phap-luat/van-ban-dieu-hanh/quyet-dinh-so-3312-qd-ubnd-ve-viec-phe-duyet-de-an-tai-co-ca.html>.

[2]. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (2022). Quyết định 484/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc công bố hiện trạng rừng năm 2022 tỉnh Thái Bình. <https://nongnghiep.vn/thai-binh-hai-lan-dieu-chinh-quy-mo-khu-bao-ton-thien-nhien-dat-ngap-nuoc-d359553.html>.

[3]. Phạm Hồng Thái & Trần Văn Toàn (2018). Nghề nuôi ong ở Việt Nam, trong sách Nuôi ong châu Á thế kỷ 21, Biên

tập bởi Panuwan C., Geoffrey W., Neumann P., NXB Springer. ©, truy cập từ [https://doi.org/10.1007/978-981-10-8222-1\\_11](https://doi.org/10.1007/978-981-10-8222-1_11).

[4]. Phạm Hồng Thái (2022). Ong mật và sự cân bằng sinh thái: Đề xuất một số định hướng cho ngành ong mật Thái Bình. Kỷ yếu hội thảo Quốc tế Mô hình kinh tế nông nghiệp và khu dân cư Nông thôn Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản. 328 – 333.

[5]. Jegede A. (2019). Tốp 10 nước xuất khẩu mật ong trên thế giới. Truy cập từ <https://www.trendrr.net/6124/top-10-largest-honey-producing-countries-world-famous-best>.

[6]. Michener C. D. (2007). *The Bees of the World*, 2nd ed. Johns Hopkins University Press, Baltimore. 953.

[7]. Nguyễn Ngọc Vững (2010). Báo cáo kết quả thực hiện dự án: “Điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất ngành ong Việt Nam”. Trung tâm nghiên cứu và phát triển ong, Hà Nội. 35-37. Truy cập từ <https://www.slideshare.net/PinkHandmade/iu-tra-nh-gi-thc-trng-sn-xut-ngnh-ong-vit-nam10214812052019>.